

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2024

“V/v: ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Thảo.
- Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 6, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 6, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Tôi và anh Bùi T kết hôn nhau từ năm 1997, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là phường S), thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng sống chung hạnh phúc được một vài năm đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung trong gia đình. Anh Bùi T chỉ lo cuộc sống bản thân mình, không có trách nhiệm gì với vợ, con, nên vợ chồng tôi đã ly thân hơn 15 năm rồi, tôi nhiều lần đưa đơn ly hôn, sau đó vì con tôi cố gắng sống, nay tôi cảm thấy không sống như vậy được nữa, tôi yêu cầu ly hôn với anh Bùi T.

- Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 12/4/1999 và cháu K, sinh ngày 28/9/2001. Hiện hai con tôi đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu giải quyết gì về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Bùi T trong suốt quá trình Tòa thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do, không bất kỳ văn bản nào cho biết ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị H, nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với anh Bùi T cả hai đều cư trú: Tổ 6, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh Bùi T vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bùi T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H khai cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh Bùi T không có trách nhiệm gì với gia đình, cả hai đã không còn chung sống với nhau đã 15 năm, vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi T. Bị đơn anh Bùi T từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa đã thông báo thụ lý, thông báo tham gia hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa, nhưng anh Bùi T đều vắng mặt, không lý do và cũng không gửi bất kỳ văn bản nêu ý kiến gì với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Xét thấy: Chị H hôn nhân giữa chị và anh Bùi T đã không còn hạnh phúc, hai người đã ly thân với nhau hơn 15 năm, như vậy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn anh Bùi T là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: 02 con chung của chị H, anh T đã trưởng thành, trên 18 tuổi và tự lập được, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Bùi T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006957 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (19/01/2024) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường S, TX A;
(để ghi vào sổ hộ tịch; Số ĐKKH 54/1997);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo Trần Thị Kia

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo Trần Thị Kia

Lê Long Sơn